

Số: 42/2021/QĐST-HNGĐ

Ba Bể, ngày 03 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2021/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị K**, sinh năm 1990

* Bị đơn: Anh **Bàn Văn B** (tức Bàn Văn P), sinh năm 1986

Cùng trú tại: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị K và anh Bàn Văn B (tức Bàn Văn P).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị K và anh Bàn Văn B (tức Bàn Văn P) thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Giao các con chung Bàn Văn M, sinh ngày 27/9/2009 và Bàn Văn T sinh ngày 21/9/2013 cho anh Bàn Văn B (tức Bàn Văn P) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

** Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Triệu Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bàn Văn M, sinh ngày 27/9/2009 mỗi tháng 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại điều 357 của Bộ luật Dân sự:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

**Về tài sản chung:* Chị Triệu Thị K và anh Bàn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về vay nợ chung:* Triệu Thị K và anh Bàn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về án phí:* Chị Triệu Thị K tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03832 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể. Xác nhận chị Triệu Thị K đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + BBGN;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể ;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nguyên